

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU CẤU TRÚC CÚ PHÁP TRONG TỤC NGỮ ÊĐÊ

PHẠM THỊ XUÂN NGÀ *

Tóm tắt: Tục ngữ Êđê chiếm một vị trí quan trọng trong kho tàng văn hóa dân gian của người Êđê vốn rất phong phú, đa dạng bên cạnh các thể loại khác như sử thi (*khan*), truyện cổ, luật tục (tập quán pháp),... Đặc biệt, tục ngữ của người Êđê là một trong những thể loại văn học đặc trưng, tiêu biểu. Bằng hình thức ngôn từ đặc biệt, tục ngữ Êđê không chỉ tái hiện lại cuộc sống mà còn thể hiện tri thức dân gian của đồng bào Êđê. Chính ngôn từ *klei duê* đã hình thành nên nghệ thuật trong lối diễn đạt cô đọng, súc tích, dễ nhớ, dễ thuộc và gần gũi với cuộc sống đơn sơ, hoang dã của đồng bào. Tục ngữ Êđê vì vậy đã khẳng định vai trò, vị trí của mình và góp phần làm phong phú kho tàng văn học dân gian của dân tộc.

Từ khóa: Tục ngữ, tục ngữ Êđê, cấu trúc cú pháp, người Êđê, tiếng Êđê.

Abstract: Ede proverbs, besides other genres such as epics (*khan*), old stories, customary laws, etc., play an important role in the folklore treasure of the Ede people which is very rich and diverse. Especially, the Ede people's proverbs are one of the typical literary genres. Through the special words, the Ede proverbs not only recreate the life, but also express the folk knowledge of the Ede people. The *klei duê* words themselves have formed the art in a concise, easy-to-remember, easy-to-memorize expression style that is close to the simple and wild life of the Ede people. Thus, Ede proverbs have affirmed their role and position, and contributed to enriching the folklore treasure of the nation.

Keywords: Proverbs, Ede proverbs, syntactic structure, Ede people, Ede language.

1. Đặt vấn đề

Người Êđê là dân tộc thiểu số có dân số đông thứ hai ở Tây Nguyên. Theo số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở (01.4.2019), người Êđê có dân số là 402.000 người. Đây là cộng đồng dân tộc tương đối thống nhất về ý thức tộc người, ngôn ngữ cũng như văn hóa. Người Êđê cùng với người Gia-rai, Ra-glai, Chu-ru và Chăm sử dụng ngôn ngữ thuộc nhánh phía Tây của ngữ hệ Austronesia, được xếp vào các ngôn ngữ tiểu nhóm Chăm (Chamic subgroup). Về phương diện ngữ âm, theo tác giả Đoàn Văn Phúc [5, tr. 215], tiếng Êđê là một ngôn ngữ đơn tiết khá triệt để so với các ngôn ngữ tiểu nhóm Chăm, tạo thành một tiểu nhánh ngôn ngữ đơn tiết, trong khi các ngôn ngữ khác như Gia-rai, Chu-ru, Chăm, Ra-glai còn mang nhiều dấu vết của một ngôn ngữ đa tiết cổ xưa. Mặc dù vậy, từ đa tiết trong tiếng Êđê vẫn chiếm tỉ lệ cao. Về phương diện từ vựng, trong vốn từ Êđê bao gồm nhiều lớp từ, nhiều yếu tố từ vựng có nguồn gốc từ nhiều họ, nhóm ngôn ngữ khác nhau ở khu vực Đông Nam Á. Về ngữ pháp, tiếng Êđê mang đặc điểm ngữ pháp của một ngôn ngữ đơn lập. Về phương diện cấu trúc, nhiều hình vị tiếng Êđê có vỏ ngữ

* ThS - Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên; Email: xuanngapham1982@gmail.com

âm là một âm tiết, tuy rằng về hình thái, có những âm tiết lại là dấu vết của một hình vị với một phụ tố cấu tạo từ (tiền tố hoặc trung tố). Để diễn đạt ý nghĩa ngữ pháp, phương thức ngữ pháp chủ yếu trong tiếng Êđê là trật tự từ và hư từ. Còn mô hình cấu trúc câu thường là cấu trúc theo trật tự chủ ngữ - vị ngữ - bổ ngữ.

Bằng những lời nói vần (*klei duê*), tục ngữ Êđê cho thấy ngôn từ rất đặc trưng của một ngôn ngữ Nam Đảo. Trong tiếng Êđê, *klei* có nghĩa là lời nói, *duê* nghĩa là kết nối; *klei duê* có nghĩa là lời nói có sự kết nối với nhau bằng những âm tiết cùng vần hoặc bằng từ có các âm tiết tương đồng; *klei duê* có nghĩa tương đồng với cụm từ “lời nói vần” trong tiếng Việt. Vì vậy, để dễ nhớ, dễ thuộc và để phù hợp với nhu cầu truyền khẩu, cộng đồng đã tạo nên các yếu tố nhịp điệu, vần trong câu. Chính những yếu tố này đã tạo cho tục ngữ Êđê có nhiều cấu trúc lặp và cấu trúc so sánh.

Ở bài viết này, chúng tôi không khảo sát toàn bộ sự có mặt của tất cả các cấu trúc cú pháp trong tục ngữ Êđê, mà chỉ dừng lại ở việc tìm hiểu cấu trúc có tần số xuất hiện nhiều và điển hình nhất. Tư liệu sử dụng cho bài viết được trích từ kết quả sưu tầm, nghiên cứu tục ngữ Êđê năm 2020 (tư liệu điền dã) của tác giả Buôn Krông Thị Tuyết Nhung. Cho đến nay, tục ngữ Êđê vẫn đang được lưu truyền trong dân gian mà chưa có một công trình nào nghiên cứu, tập hợp. Qua kết quả thống kê khảo sát, chúng tôi nhận thấy cấu trúc so sánh và cấu trúc lặp xuất hiện nổi bật nhất trong các câu tục ngữ của cộng đồng người Êđê.

2. Tục ngữ và tục ngữ Êđê

Theo thuật ngữ ngôn ngữ học, tục ngữ là một câu hoàn chỉnh, diễn đạt trọn vẹn một ý có nội dung là một nhận xét về kinh nghiệm đời sống. Trong *Từ điển tiếng Việt*, tục ngữ

được hiểu là “câu ngắn gọn, thường có vần điệu, đúc kết tri thức, kinh nghiệm sống và đạo đức thực tiễn của nhân dân” [4, tr. 1026].

Như vậy, về hình thức, tục ngữ là một câu, ngắn gọn, thường có vần, có nhịp điệu. Về nội dung, tục ngữ diễn đạt trọn vẹn một ý, có thể là một nhận xét, một sự đánh giá, một kinh nghiệm, một tâm lý, một phong tục tập quán, một chân lý quen thuộc nhằm giáo dục, khuyên răn, hướng dẫn con người ứng xử trong cuộc sống.

Tục ngữ Êđê là một thể loại văn học đặc biệt trong kho tàng văn hóa dân gian, thể hiện hiện thực về cuộc sống, về tri thức dân gian, là những bài ca đẹp về tình yêu lao động, yêu con người, yêu buôn làng, núi rừng. *Klei duê* (lời nói vần) là hình thức ngôn từ đặc biệt và phổ biến trong văn học dân gian của người Êđê, nhất là trong tục ngữ.

Người Êđê vẫn thường sử dụng tục ngữ là những lời nói vần như một chuẩn mực đối chiếu của xã hội trong giao tiếp hàng ngày. Có thể thấy ngôn ngữ trong tục ngữ của người Êđê hầu hết là ngôn ngữ giàu hình ảnh, cụ thể và sinh động. Những hình ảnh này vừa cô đọng, mang ý nghĩa sâu sắc vừa giản dị, dễ nhớ, dễ lưu truyền. Người đọc, người nghe có thể hình dung một cách dễ dàng bằng trực giác mà không cần phải sử dụng đến một sự giải thích nào. Tục ngữ Êđê đã phản ánh phản ánh được thế giới tự nhiên và đời sống của con người một cách cụ thể. Đồng thời, nó được cộng đồng tiếp nhận và lưu giữ một cách dễ dàng. Có thể nhận thấy sự phong phú, đa dạng khi đề cập đến nhiều vấn đề của đời sống xã hội mà người Êđê thể hiện qua các câu tục ngữ, chẳng hạn:

Tục ngữ về quan hệ gia đình, xã hội:

Prong anak mtô, prong cô lač, tloh lỏ ẻ uê, êhuê lỏ kbuă (Con lớn phải dạy, cháu lớn phải bảo, đứt thì nói, lỏng thì siết lại).

Čiǎng kơ Bih mào kông, čiǎng kơ Mnông mào aǎũ (Ung người Bih phải có vòng, ung người Mnông phải có cườm).

Mñam abǎn hriǎm kơ aduôn, mñam đưôn (búng) hriǎm kơ aê, čiǎng thào kđi klei hriǎm brei kơ khua mduôn (Dệt chăn hãy hỏi bà, đan nón hãy hỏi ông, muốn biết chuyện xử kiện hãy học ở người già).

Tục ngữ về lao động, sản xuất:

Wǎng điét amáo dưi cǎh p'hũn suah, kǎđi điét amáo dưi waih p'hũn kram (Cuộc nhỏ không cuộc nổi cây suah, chà gạc nhỏ không phát được bụi tre).

Kuê amáo jing dưm eh êmô, mdiê hđrô bla amáo yua dưm eh kbao, pla hǎt drao bruê hbáo ǔn mñũ (Kê không lên bón phân bò, lúa hđrô bla không đẹp bón phân trâu, trồng cây thuốc cần bón tro, phân heo, gà).

Tục ngữ về tự nhiên, về chiến đấu chống kẻ thù:

Mdiê cắt kyua mào lǎn, cǐm kn'háo kyua mào dliê (Lúa mọc bởi đất tốt, chim khôn nhờ rừng sâu).

Ea mǎng lǎn drei tui gǎn, ea mǎng k'út drei tui hluê, ea mǎng kuê drei cǎh kđrông (Nước chạm đất ta tìm lợi qua, nước ngập đầu gối ta bơi tới, nước dâng cổ ta đắp cầu đi qua).

Bêc ku čiǎng bi lu knông, bêc kđông cǎ iǎng kơ lu giê, hui dhũng dliê čiǎng lu êngũm (Đặt bẫy cần nhiều hàng, cấm công cần nhiều ngọn, vào rừng cần đông người).

Roh điét hǎng dhǎng, roh prǎng hǎng hna (Giặc bé ta đánh bằng dao, giặc lớn ta đánh bằng nỏ).

3. Cấu trúc cú pháp trong tục ngữ Êđê

Có thể thấy, tục ngữ Êđê đặc biệt bởi cộng đồng sử dụng ngôn từ *klei duê*. Đó là một hình thức ngôn từ được người Êđê sử

dụng nhiều trong luật tục, sử thi, truyền cổ,... vì cách gieo vần này tạo nhịp điệu dễ nhớ, dễ thuộc và dễ lưu truyền. *Klei duê* có nhiều cách gieo vần, có thể gieo vần tuyến tính (nối tiếp) hoặc gián cách (cách quãng) trong một câu. Chẳng hạn:

- Gieo vần tuyến tính:

Kông m'hiǎ ti kngan, kan m'hiǎ ti k bǎng, jǎng m'hiǎ ti adring (Vòng giành trên tay, cá giật trên miệng, rìu giật trên sàn).

Mđrǎng mào klǎ mah, sah mào klǎ prǎk (Giàu có cục vàng, sang có cục tiền).

- Gieo vần gián cách:

Jik čiǎng mào knǎng, kpiê ti gǎng čiǎng mào pǎ (Cuộc cỏ muốn có hàng, ché rượu cọt muốn có người).

Ngǎ hma điét bi bǎ brǎng, ngǎ hma prǎng bǎ hjiê (Làm rẫy nhỏ chứa cho đầy bò, làm rẫy to chứa cho đầy kho).

Đǎm hup kơ mnga kđing, đǎm bǎng kơ mnga kđrô (Chớ mê hoa kđing, chớ tình hoa kđrô).

Qua tìm hiểu, chúng tôi nhận thấy tục ngữ Êđê sử dụng những lời nói vần rất đặc biệt và vô cùng thú vị. Điều này đã tạo nên cấu trúc lặp và cấu trúc so sánh khá nổi bật trong các câu tục ngữ. Cụ thể:

3.1. Cấu trúc lặp

Lặp là việc dùng đi dùng lại nhiều lần một cách có ý thức một yếu tố nào đó (từ ngữ, cấu trúc, âm thanh) trong văn bản để liên kết các câu lại với nhau, “nhằm tạo ra một ấn tượng mới mẻ, có tính chất tăng tiến” [7, tr. 126].

Có thể nói, tục ngữ là thể loại văn học dân gian, được tạo ra trong bối cảnh chưa có chữ viết mà được thực thi trên cơ sở truyền miệng. Vì vậy, để dễ nhớ, dễ thuộc và để tạo được một âm hưởng nhẹ nhàng,

thuyết phục, người ta tạo ra nội dung theo kết cấu câu văn phù hợp với nhu cầu truyền khẩu. Vậy nên, yếu tố nhịp điệu, vần, câu được người Êđê khá quan tâm. Chính những yếu tố này đã tạo cho tục ngữ có nhiều cấu trúc lặp.

Theo chúng tôi khảo sát, tục ngữ Êđê có các dạng lặp: lặp ngữ âm, lặp từ vựng, lặp cấu trúc cú pháp (thực chất là kết cấu chủ ngữ - vị ngữ nhưng được tỉnh lược).

3.1.1. Lặp ngữ âm trong tục ngữ Êđê

Lặp ngữ âm là hiện tượng hiệp vần và cắt nhịp điệu đều đặn trong các câu. Tục ngữ Êđê thể hiện rất rõ kiểu lặp này. Ví dụ:

Jõng hđjul, kđul khăng (Chân nhẹ, gót cứng).

Jõng tloh êman, kngan tloh hlũn (Chân mua được voi, tay mua được nô lệ).

Ngă hma hõng kngan, ngă kban hõng ai (Làm rẫy bằng tay, xây cầu bằng sức).

Măah cữ amáo máo pô mbõ, hrõ éa amáo pô kğăn (Núi vỡ lấy ai đắp lại, nước voi lấy ai ngăn dòng).

Êyông bi êpa, êda heh, ceh cing bi mdũm (Xà dọc đem so, xà ngang đem đo, ché chiêng đem sánh).

Có thể thấy, lặp ngữ âm trong tục ngữ Êđê cũng có thể lặp cách quãng hoặc lặp nối tiếp. Hơn nữa, việc cắt nhịp điệu trong tục ngữ cũng rất đều đặn, có thể là nhịp 2/2, 3/3, 4/4, 5/5,... tạo sự hoàn chỉnh, cân đối ở các câu *klei duê* như ở các ví dụ đã nêu ở trên.

3.1.2. Lặp từ ngữ trong tục ngữ Êđê

Lặp từ trong tục ngữ Êđê là cách sử dụng các từ được lặp lại từ về này qua về kia, nhằm tạo tính liên kết giữa các về trong câu tục ngữ với nhau.

Tục ngữ Êđê sử dụng khá phong phú các cách lặp từ vựng. Căn cứ vào vị trí và

quan hệ của các yếu tố được lặp lại, gồm: lặp đầu, lặp cuối, lặp tuyến tính (lặp chuỗi, lặp nối tiếp) và lặp gián cách (lặp cách quãng). Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy tục ngữ Êđê điển hình nhất với kiểu lặp đầu và lặp gián cách. Cách hiệp vần và nhịp điệu ở các kiểu lặp này vẫn tuân thủ quy định của *klei duê*.

- **Lặp đầu**: là yếu tố đứng đầu của câu hoặc ngữ đoạn trước được lặp lại đúng vị trí đó ở câu hoặc ngữ đoạn sau. Kiểu lặp này nhằm nhấn mạnh và tập trung sự chú ý vào yếu tố được/bị so sánh. Ví dụ:

Mnũt tông djhông rông amai, mnũt dhan tai rông adei (Cây đa gốc to nuôi giùm chị, cây đa tán dài nuôi giùm em).

Jăk kning jing kpur, jăk knur jing knũt, jăk cút ghang mao cĩm bõng (Cái chạn lạnh mới thành cái bếp, cái que nhọn mới thành cái khâu, khâu kẹp tốt mới có thịt ăn).

Đăm rông hnuê ti êda, đăm rông ala ti tluôn ceh, đăm duah rông hđeh pãl ao hlãm sang (Chó nuôi ong trên xà ngang, chó nuôi rắn dưới đáy ché, chó nuôi con kẻ thù trong nhà).

- **Lặp gián cách**: là kiểu lặp mà giữa các từ ngữ được lặp có chen các từ ngữ khác nhằm tạo ấn tượng nổi bật. Ví dụ:

Kyáo sa bẽ amáo thảo jing dliê, hwiê sa aruăt amáo thảo jing kmrõng (Một cây không làm nên rừng, một cọng mây không tạo nên non).

Bũng đăm brei kyai, bai đăm brei kyăh, đăm brei tãh amai hõng adei (Giù đừng để cho thùng, giỏ đừng để cho rách, đừng để xa cách chị với em).

Jõng tloh êman, kngan tloh hlũn (Chân mua được voi, tay mua được nô lệ).

Anak mniê thảo asei, anak êkei thảo pô,

*êmô kbao **thào** mắť* (Con gái biết rõ thân họ, con trai biết rõ thân mình, trâu bò biết ai là chủ).

3.1.3. *Lập cấu trúc cú pháp trong tục ngữ Êđê*

Lập cấu trúc cú pháp trong tục ngữ Êđê là phép lặp dùng nhiều lần một kiểu cấu tạo nào đó liên tiếp ở trong câu, nhằm tạo ra tính liên kết. Tuy nhiên, trong tục ngữ Êđê, không phải lập cấu trúc chủ ngữ - vị ngữ, mà thực chất, cấu trúc này đã được rút gọn. Căn cứ theo tiêu chí các bình diện ngôn ngữ biểu hiện (gồm: lặp đủ, lặp thừa, lặp thiếu) thì tục ngữ Êđê phần lớn ở hình thức lặp đủ, nghĩa là về sau trùng với cấu trúc của về trước và chủ yếu thường là câu đơn. Điều này phù hợp với khả năng tư duy, diễn đạt một cách ngắn gọn, súc tích của tục ngữ nói chung. Ví dụ:

*Amai **khua bi-ala** amĩ, iê **khua bi-ala** ama* (Chị cả thay mặt mẹ, rể cả thay mặt cha).

*Čiăng kơ hra **bi mào êlan**, čiăng kơ mnal **bi mào** klông* (Muốn có muối phải tạo đường, muốn có vải phải tạo lối).

*Koh alê **khăng gao**, koh drao **khăng dlông*** (Chặt nửa thường chặt quá ngon, chặt lò ô thường chặt quá dài).

*Đơ mào anak **đơ mtô**, đơ mào cô **đơ lač*** (Con lớn bằng nào dạy bằng đây, cháu lớn bằng nào bảo bằng đó).

Nhìn chung, cấu trúc lặp trong tục ngữ Êđê khá đa dạng. Các phương tiện và hình ảnh được sử dụng để biểu đạt trong cấu trúc lặp thể hiện nét đặc trưng văn hóa và tâm lý tộc người. Đó là những hình ảnh đồ vật, động vật, cây cối, hoa quả, các hiện tượng tự nhiên xuất hiện xung quanh đời sống cộng đồng.

Trong tục ngữ, phương thức lặp là phương tiện quan trọng để giải thích, giáo

dục con cháu và các thành viên trong cộng đồng. Ngôn ngữ biểu hiện của phương thức lặp trong tục ngữ Êđê, ngoài sự khái quát, sinh động trong lối diễn đạt ví von, còn mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc, tính cố kết cộng đồng, sống thuận hòa, yêu thương. Đó là nét đẹp truyền thống của đồng bào Êđê từ xưa đến nay.

3.2. *Cấu trúc so sánh*

Theo *Từ điển tiếng Việt*, “so sánh là nhìn vào cái này mà xem xét cái kia để thấy sự giống nhau, khác nhau hoặc hơn kém” [4, tr. 861]. So sánh là thao tác nhận thức của tư duy. So sánh tu từ là so sánh ở phương diện nghĩa của từ dựa trên cơ sở những đặc điểm về dân tộc, văn hóa, tâm lý. Trong tục ngữ Êđê, qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy có các dạng cấu trúc so sánh sau:

Cấu trúc so sánh ngang bằng xuất hiện phổ biến trong tục ngữ Êđê. Có lẽ phần lớn do tư duy so sánh của cộng đồng Êđê mang đậm cái nhìn mọi vật trong tư thế ngang bằng: nói về vấn đề, sự việc này nhưng lại liên tưởng đến những hình ảnh, vấn đề tương tự để dễ hình dung, so sánh. So sánh ngang bằng dựa trên mối quan hệ ngang bằng hoặc giống nhau giữa yếu tố được/bị so sánh và yếu tố so sánh, được biểu hiện bằng từ so sánh: *si* (như), *msě* (giống như). Chẳng hạn:

*Juă **si** juă plin, lin **si** lin adrăng* (Giảm như giảm cỏ, đập như đập rơm).

*Đăm nũť **msě** wấť, đăm nấť **msě** ktráo* (Chớ nhút nhát như chim cúť, im thin thít như chim cu).

Theo khảo sát của chúng tôi, tục ngữ Êđê có cấu trúc 4 thành tố (*cái so sánh, cơ sở so sánh, từ so sánh và cái được so sánh*) và có mối quan hệ giống như các thành tố của một cấu trúc so sánh trong ngôn ngữ

nói chung, tuy nhiên, cũng có một số đặc thù. Cụ thể:

Thứ nhất, so sánh trong tục ngữ Êđê thường hoán vị *cái so sánh* và *cơ sở so sánh*, tức là hoán vị giữa các vế trong câu trúc và khi đó *từ được so sánh* thường vắng mặt. Ví dụ: *Mniê lu klei, êkei lu nu, abur ajik lu băng* (Con gái lắm lời, con trai lắm nợ (**như**) éch nhái lắm hang).

Thứ hai, cấu trúc so sánh trong tục ngữ Êđê thường không hiện diện đầy đủ các thành tố, trong đó *từ so sánh* ít xuất hiện, tuy nhiên, người ta vẫn hiểu được quan hệ so sánh và nội dung ý nghĩa của câu tục ngữ là nhờ vào ngữ cảnh, văn hóa và tâm lý dân tộc. Ví dụ: *Brūk si đrao mčah, huah si đrang hdăng* (Đôm đốp như nửa nỏ, oang oác như phượng hoàng gọi bầy). Câu này ý muốn nói những người hay nóng nảy, cáu gắt, không ai có thể khuyên răn, dạy bảo.

Thứ ba, *cái được so sánh* dù hoán vị hay không hoán vị với *cái so sánh* trong câu trúc so sánh, thì ít khi nêu ra một đối tượng mà thường nêu ra nhiều đối tượng có quan hệ giống nhau hoặc gần giống nhau, hỗ trợ nhau cùng làm chuẩn so sánh và làm cho cấu trúc so sánh tăng hiệu quả biểu đạt. Ví dụ: *Alê hlăm cũ ăiăng kơ lu đang, hlang hlăm duôr ăiăng kơ lu alũ, asăp blũ tlaô ă iăng kơ lu êngũm* (Tre mọc trên núi phải có nhiều bụi, tranh mọc dưới đồi phải nhiều cây, tiếng cười nói phải đủ đầy mới vui).

Những đặc điểm trên thể hiện sự sáng tạo, năng động của người Êđê trong quá trình diễn đạt bằng phương thức so sánh qua các câu tục ngữ. Cách thức tổ chức, sắp xếp, hoán vị hoặc lược bớt một vài thành tố trong cấu trúc so sánh cũng như gia tăng các đối tượng nêu ra ở các thành tố của câu trúc so sánh cũng được xem như một thủ pháp nghệ thuật của người Êđê mà họ đã

chú ý trong quá trình sử dụng phương thức so sánh ở các câu tục ngữ. Kết quả của những cấu trúc so sánh có kết cấu khác lạ này thường làm cho chức năng biểu đạt của câu tục ngữ đạt hiệu quả cao và người nghe có thể cảm nhận nó theo con đường cảm nhận ngôn ngữ nghệ thuật.

Như vậy, sự sáng tạo trong ngôn ngữ của tục ngữ Êđê là việc tìm thấy các sự việc, hành động diễn ra trong cuộc sống để so sánh tương đồng với nội dung ý nghĩa mang tính khái quát trong tục ngữ. Điều này có tác dụng làm cho bất kỳ nội dung ý nghĩa nào của tục ngữ cho dù trừu tượng, khái quát đến đâu cũng cho thấy sự gần gũi, thân thuộc như chính cuộc sống của đồng bào Êđê chân chất, mộc mạc và hoang sơ.

4. Kết luận

Tục ngữ nói chung và tục ngữ Êđê nói riêng là những câu nói nhằm đúc kết kinh nghiệm, tri thức của nhân dân dưới hình thức những câu văn ngắn gọn, súc tích, có nhịp điệu, dễ nhớ, dễ truyền đạt. Nổi bật trong tục ngữ Êđê là những lời răn dạy con cháu rất gần gũi và đậm chất hoang sơ. Với hình thức ngôn ngữ đặc biệt, *klei duê* trong tục ngữ Êđê đã chứng minh cách tư duy, tri nhận về thế giới xung quanh của đồng bào Êđê một cách đặc biệt như chính cuộc sống, văn hóa của họ.

Cấu trúc so sánh và cấu trúc lặp là hai hình thức kết cấu khác nhau nhưng xét về tính chất phương tiện được sử dụng, chúng lại có quan hệ mật thiết với nhau và mang tính tất yếu trong tục ngữ Êđê. So sánh bằng việc lặp lại nhiều lần một yếu tố, một cấu trúc; lặp lại những hình ảnh, sự vật, hiện tượng nhằm mục đích so sánh. Có nhiều trường hợp, cộng đồng Êđê dùng phối hợp cả hai hình thức kết cấu này để đạt hiệu quả thăng hoa trong sáng tạo nghệ

thuật. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu, tìm hiểu cấu trúc cú pháp của tục ngữ Êđê, bước đầu tìm hiểu cấu trúc lặp và cấu trúc so sánh được xem là điển hình và cần thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học, Ngữ dụng học*, tập 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2001.
 [2] Đinh Trọng Lạc (Chủ biên), Nguyễn Thái Hòa, *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1993.
 [3] Buôn Krông Thị Tuyết Nhung, *Một số phong tục tập quán của người Êđê qua tục ngữ*, *Tạp chí Khoa học xã hội Tây Nguyên*, số 4(44), 2021.

[4] Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2000.

[5] Đoàn Văn Phúc, *Ngữ âm tiếng Êđê*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.

[6] Đoàn Văn Phúc, *Từ vựng các phương ngữ Êđê*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh, 1998.

[7] Cù Đình Tú, *Phong cách học và đặc điểm từ vựng tiếng Việt*, Nxb. Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, Hà Nội, 1983.

[8] Viện Ngôn ngữ học - Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk, *Từ điển Việt - Êđê*, Nxb. Giáo dục, Đắk Lắk, 2004.

TU' LIỆU KHẢO SÁT

- [1] Buôn Krông Thị Tuyết Nhung, *Tục ngữ Êđê*, tư liệu điền dã, 2020.

⇒ Tiếp theo trang 60 (KÊNH HÌNH TRONG BÁCH KHOA THƯ)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Trọng Báu, *Những vấn đề về bách khoa toàn thư và ngôn ngữ trong từ điển bách khoa*, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, 1992.
 [2] Lê Quang Long, *Từ điển tranh về các con vật*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002.
 [3] Lê Quang Long, *Từ điển tranh về các loài cây*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004.
 [4] Hoàng Phê và Nguyễn Ngọc Trâm, *Một số vấn đề Từ điển học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997.
 [5] Nguyễn Kim Thân, *Các công trình bách khoa và việc biên soạn các công trình bách khoa ở Việt Nam*,

Báo cáo tại Hội nghị Khoa học của Viện Từ điển bách khoa - Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1984.

[6] Hồ Hải Thụy, *Hai cuốn sách mới dạy cách làm từ điển*, *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, 2009.

[7] Hà Học Trạc, *Lịch sử - lý luận và thực tiễn biên soạn bách khoa toàn thư*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2004.

[8] Trần Thị Tuyên, *Phân biệt bách khoa thư và từ điển bách khoa với các loại từ điển khác*, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 5.2004.

[9] Zgusta, Ladislav, *Giáo trình từ điển học* (Bản dịch của Viện Ngôn ngữ học), Nxb. Viện Hàn Lâm khoa học Tiệp khắc, Praha, 1971.